

Quản trị đại học và những chính sách chiến lược trong giáo dục đại học (Khuyến nghị từ Dự án MOTIVE)

“Giám sát xu hướng việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Việt Nam”

Dự án MOTIVE

“Dự án được tài trợ bởi Liên minh Châu Âu. Quan điểm và ý kiến được trình bày trong ấn phẩm là của các tác giả, Liên minh Châu Âu không chịu trách nhiệm về những vấn đề này”

Tài liệu này gồm 4 phần, mỗi phần tương ứng với một Hội thảo chuyên đề được tổ chức trong khuôn khổ Dự án 609781 Erasmus+ “Giám sát xu hướng việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Việt Nam” – MOTIVE. Kết quả của Hội thảo mang đến cho các nhà hoạch định chính sách cơ hội tìm ra chiến lược mới để cải thiện trong lĩnh vực Giáo dục đại học, tăng cường đào tạo nhân tài tại các trường đại học ở Việt Nam và tạo ra những hướng đi mới cho cải cách chính sách trong lĩnh vực này, với mục tiêu xem xét các chiến lược của Liên minh Châu Âu và các quốc gia lân cận. Tài liệu này đề cập đến các ưu tiên khác nhau được thảo luận trong các hội thảo/hội nghị. Các ưu tiên trong đó là: tăng tuyển sinh đầu vào đại học bằng cách khuyến khích trao đổi giữa giáo dục đại học và thị trường lao động, phát triển năng lực nghiên cứu, cải thiện vấn đề quản trị và lập kế hoạch, tận dụng hình thức hợp tác mới (Việt Nam-Châu Âu) và các cơ hội mới, sử dụng dữ liệu của sinh viên tốt nghiệp cho quản trị đại học; sử dụng các công cụ đánh giá để kết nối cung cầu.

Bài viết phân tích lý thuyết và các chính sách liên quan trong từng chủ đề cụ thể ở Việt Nam và nhấn mạnh những nội dung, kết luận chính của từng hội thảo. Các phần trình bày chính về các cách làm tốt nhất được chia sẻ trong các sự kiện được đính kèm trong phần phụ lục. Những khuyến nghị này sẽ giúp tăng cường công tác quản trị và lãnh đạo nhằm cải thiện lĩnh vực giáo dục đại học tại Việt Nam, mang lại chiến lược tốt hơn và toàn diện hơn, mang tính khu vực cho giáo dục đại học.

Nội dung tài liệu này có sự đóng góp của các đối tác tham gia dự án MOTIVE và Bộ Giáo dục và Đào tạo



Giới thiệu về Dự án MOTIVE

Tên dự án: “**Giám sát xu hướng việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Việt Nam**”

Thời gian thực hiện: **15/01/2020-14/01/2024**

Số tham chiếu của dự án: **609781- EPP-1-2019-1-IT-EPPKA2-CBHE-SP**

Chương trình: **Erasmus +**

Hành động: **Nâng cao năng lực trong lĩnh vực Giáo dục đại học** (Viết tắt tiếng Anh là: CBHE).

Trong những năm gần đây, các cơ quan chính quyền ở Việt Nam đang đặt ra vấn đề trong việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động cùng với thông tin về nguồn nhân lực thực tế được đào tạo bởi các trường đại học, làm ưu tiên hàng đầu trong việc quản trị giáo dục đại học ở Việt Nam. Trong khuôn khổ này, **Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Bộ GD & ĐT)** đang bắt đầu xem xét việc nghiên cứu theo dõi ở bậc đại học và cao đẳng là ưu tiên cốt lõi trong việc phát triển ngành giáo dục đại học trong nước. Từ năm 2017, các trường đại học được Bộ GD&ĐT yêu cầu cung cấp thông tin về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp, tuy nhiên các nghiên cứu theo dõi chưa có sự nhất quán về nội dung và phương pháp. Dự án MOTIVE, với sự hỗ trợ và ủng hộ của Bộ GD & ĐT, với mục tiêu đảm bảo hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam có thể giải quyết các thách thức trong việc thực thi chính sách cải cách đối với sinh viên tốt nghiệp bằng cách theo dõi quá trình chuyển đổi sang thị trường việc làm cũng như tình trạng việc làm của họ, đã thành lập **Trung tâm Theo dõi Sinh viên tốt nghiệp Quốc gia** đầu tiên ở Việt Nam. (<http://news.motive.edu.vn/home>). Thông qua việc thành lập Trung tâm, khảo sát đầu tiên về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại các trường đại học của Việt Nam đã được tiến hành, phát triển dựa trên phương pháp và công cụ đặc biệt, được triển khai với sự hỗ trợ đến từ các bên liên quan trong suốt quá trình thực hiện dự án. Các hoạt động nâng cao năng lực, cụ thể là đào tạo và hội thảo cho nhân viên các trường đại học Việt Nam về cách quản lý và khai thác dữ liệu sinh viên tốt nghiệp và cách hỗ trợ cải cách chính sách của hệ thống giáo dục đại học sẽ là các mục tiêu trọng tâm của dự án. Tác động dự kiến sẽ giúp hiện đại hóa ngành giáo dục đại học bằng cách khuyến khích tiếp cận cải cách chính sách dựa trên thông tin có được. Các công cụ duy trì tính bền vững và phương pháp được phát triển bởi dự án sẽ giúp đánh giá, giám sát và so sánh sự thành công của các sinh viên tốt nghiệp, đo lường hiệu quả của các chính sách và đánh giá việc đạt được các chỉ số và mục tiêu.

www.motive-euproject.net



Mục lục

| | |
|---|--|
| Giới thiệu..... | 4 |
| Phần I. Cơ chế đảm bảo chất lượng..... | 8 |
| Phần II. Sinh viên tốt nghiệp và thị trường lao động..... | 12 |
| Phần III. Tự đánh giá, năng lực cốt lõi và việc làm..... | 17 |
| Phần IV. Chính sách dựa trên minh chứng và giáo dục đại học: Thực trạng, thách thức và cơ hội.. | 22 |
| Kết luận | 25 |
| Tài liệu tham khảo..... | Errore. Il segnalibro non è definito. |
| Phụ lục..... | 30 |
| Phụ lục I: Đảm bảo chất lượng – Chia sẻ của các đối tác Châu Âu | 30 |
| Phụ lục II: Sinh viên tốt nghiệp và thị trường lao động – Chia sẻ của các đối tác Châu Âu..... | 30 |

Giới thiệu¹

Việt Nam là một trong những đối tác kinh tế quan trọng ở khu vực Châu Á và ASEAN. Nhờ những cải cách chính trị và kinh tế bắt đầu từ những năm 80, Việt Nam được coi là cửa ngõ chính của châu Á, với mức tăng GDP khoảng 7% và thu nhập bình quân đầu người được dự báo tăng liên tục. Hiện nay, nhóm có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất vẫn là những người lao động không được đào tạo, tiếp theo là sinh viên tốt nghiệp đại học do nhiều nguyên nhân như: thiếu định hướng nghề nghiệp trước khi học, học thụ động, hạn chế về ngoại ngữ, không chú trọng trang bị kỹ năng mềm, không xác định được mục tiêu của công việc đang tìm kiếm và cuối cùng là thiếu sự quyết tâm để đạt được mục tiêu.

Những trở ngại chính khiến sinh viên tốt nghiệp không tìm được việc làm là:

i. Không có định hướng nghề nghiệp

Nguyên nhân đầu tiên chính là việc hướng nghiệp không phù hợp, dẫn đến xác định sai ngành học. Ở Việt Nam, việc chọn nghề phụ thuộc rất nhiều vào quyết định của các bậc phụ huynh. Với tâm lý luôn muốn che chở, bao bọc con, các bậc cha mẹ thường thiên về những ngành “an toàn”, mang lại danh tiếng, như kỹ sư, bác sĩ... Mặt khác, xu hướng thị trường cũng là một điều đáng nói. Một số bạn trẻ còn có xu hướng chạy theo các nghề “hot” để theo kịp bạn bè, chứ không thực sự vì đam mê và đúng sở trường.

ii. Không chủ động trong học tập

Chính vì chọn ngành không phù hợp, các bạn sinh viên dễ rơi vào tình trạng thụ động, lười tìm kiếm thêm thông tin. Học thụ động là cách học lỗi thời, chờ đợi kiến thức từ giáo viên đưa xuống, không chuẩn bị cho môn học, và dĩ nhiên, lười áp dụng bài học vào cuộc sống. Với cách học này, sinh viên không những không nắm được kiến thức, mà còn quen với tính cách lười nhác, thiếu chủ động trong tất cả các công việc sau này. Mà rõ ràng, sẽ không có nhà tuyển dụng nào lại muốn bỏ tiền ra để mời một nhân viên máy móc, lười nhác, và không có tinh thần cầu tiến về làm việc.

iii. Hạn chế về năng lực tiếng Anh

Một trong các lý do tạo nên làn sóng “cử nhân thất nghiệp” chính là vấn đề tiếng Anh. Chúng ta đều biết tiếng Anh được xem như là tấm vé thông hành trong tất cả mọi ngành

¹ Bài viết của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

nghe trong thời kỳ hiện đại. Thực ra, hầu hết sinh viên ở các trường đại học đều được học tiếng Anh, nhưng chính thái độ học thụ động, không áp dụng thực tế thì khi ra trường, kỹ năng ngoại ngữ chỉ là con số 0. Chỉ có được động lực học, cách học phù hợp, khoa học, áp dụng vào môi trường thực tế mới có thể nâng cao trình độ tiếng Anh, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.

iv. Thiếu kỹ năng mềm

Thiếu kỹ năng mềm: kỹ năng thuyết phục, kỹ năng làm việc theo nhóm (lắng nghe và hợp tác với đồng nghiệp), kỹ năng cập nhật kiến thức mới, kỹ năng kiểm soát cái tôi, kỹ năng giải quyết vấn đề; không xác định được mục tiêu của công việc đang tìm kiếm, thiếu sự quyết tâm để đạt được mục tiêu

Vấn đề chính giới trẻ và người có tay nghề lao động ở Việt Nam phải đối mặt hiện nay?

Trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp và có khoảng cách khá lớn so với các nước trong khu vực. Vì vậy, năng suất lao động của Việt Nam thuộc nhóm thấp ở châu Á - Thái Bình Dương (thấp hơn Singapore gần 15 lần, thấp hơn Nhật Bản 11 lần và thấp hơn Hàn Quốc 10 lần).

Hệ thống thông tin của thị trường lao động Việt Nam hiện nay còn nhiều yếu kém và hạn chế, như bị chia cắt giữa các vùng, miền; khả năng bao quát, thu thập và cung ứng thông tin chưa đáp ứng được nhu cầu các đối tác trên thị trường lao động, đặc biệt là người chủ sử dụng lao động và người lao động. Hệ thống chỉ tiêu về thị trường lao động tuy đã ban hành nhưng chưa hoàn thiện, chưa đầy đủ, thiếu thống nhất và khó so sánh quốc tế. Do vậy, chưa đánh giá được hiện trạng của cung - cầu lao động, các “nút thắt” về nhu cầu nguồn nhân lực trong nước. Ngoài ra, còn thiếu mô hình dự báo thị trường lao động tin cậy và nhất quán, thiếu đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác thống kê, phân tích, dự báo.

Sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế quyết liệt. Chính sự cạnh tranh đó đã làm cho nhiều cơ sở sản xuất, nhiều doanh nghiệp bị phá sản, nhiều cơ sở sản xuất phải tiến hành tinh giản biên chế. Tình trạng đó làm tăng thêm đội ngũ những người không có việc làm hoặc có việc làm không đầy đủ. Theo số liệu của các cơ quan chức năng, tình trạng thất nghiệp ở thành thị còn ở mức khá cao, nạn thiếu việc làm ở nông thôn còn rất nghiêm trọng.

Về thu nhập: Theo số liệu thống kê 2011, nhìn chung thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương là 3,1 triệu đồng/tháng, với mức thu nhập của nam là 3,3 triệu đồng/tháng và của nữ là 2,9 triệu đồng/tháng. Lao động có trình độ đại học có mức thu nhập

gần gấp đôi lao động chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật (4,9 triệu đồng/tháng và 2,6 triệu đồng/tháng).

Xét theo ngành kinh tế, thu nhập bình quân thay đổi từ mức thấp nhất là của ngành “nông, lâm, thủy sản: (khoảng 2,3 triệu đồng/tháng) đến mức cao nhất là của ngành “hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế”, khoảng 9,8 triệu đồng/tháng. Một số ngành có thu nhập khá (khoảng 5 triệu đồng/tháng) gồm: “hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm: (5,6 triệu đồng/tháng); “thông tin và truyền thông” và “hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ” khoảng 4,7 triệu đồng/tháng.

Trong bối cảnh thị trường lao động hết sức phong phú - nhiều tầng bậc và đặc biệt là dưới sự ảnh hưởng của cơn bão cách mạng công nghiệp 4.0 thì lĩnh vực nghề nghiệp văn hóa nghệ thuật không phải là một ngoại lệ. Phát triển giáo dục nghệ thuật hiện là vấn đề được đặc biệt quan tâm trong lĩnh vực quản lý văn hóa ở nhiều nước trên thế giới. Giáo dục nghệ thuật cũng đã góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của vùng, miền, quốc gia. Việc xây dựng chiến lược hội nhập quốc tế về giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng và phát triển giáo dục nghệ thuật là một nhiệm vụ cấp bách của Việt Nam sau khi gia nhập WTO.

Hội nghị thế giới về giáo dục đại học, tổ chức từ 5 đến 8/7/2009 tại UNESCO Paris, nhận định giáo dục đại học đang chuyển động dưới tác động của những động lực mới đó là: sự gia tăng nhu cầu nhập học, việc đa dạng hoá các loại trường và nguồn cung ứng, hợp tác giữa các nhà trường và liên kết mạng, nhu cầu học tập suốt đời, tác động của công nghệ thông tin và truyền thông, trách nhiệm xã hội của các trường đại học, sự thay đổi trong vai trò của chính phủ. Về cơ bản các động lực trên là biểu hiện cụ thể của một thế giới toàn cầu hoá trong giáo dục đại học. Theo cách nói của T. Friedman, đó là một thế giới phẳng trong đó các rào cản về địa lý, kinh tế và chính trị đang lần lần được dỡ bỏ. Thế giới phẳng này cũng đang làm “phẳng hoá” giáo dục nghĩa là tạo ra một sân chơi giáo dục bằng phẳng, liên kết mạng, nơi mọi người đều có thể học hỏi, trau dồi kiến thức, phát triển kỹ năng, và mọi quốc gia, tổ chức đều có thể tham gia cung ứng giáo dục, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh bình đẳng. Vì thế, hợp tác quốc tế về giáo dục đã chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, cao hơn và phức tạp hơn. Đó là hội nhập quốc tế về giáo dục. Các thách thức và cơ hội của tiến trình hội nhập quốc tế về giáo dục đã được phân tích nhiều trong các diễn đàn, hội thảo và tài liệu nghiên cứu, quốc tế cũng như trong nước. Vấn đề là từ những phân tích đó, mỗi quốc gia, mỗi Trường đại học đều cần phải tìm ra cho mình các chính sách và chiến lược cần thiết để giáo dục đại học thực hiện được tốt nhất sứ mệnh

của mình trong việc sản sinh, truyền bá và áp dụng tri thức, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Để góp phần nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nhân lực Việt Nam, theo tôi cần phải có những giải pháp như: nâng cao nhận thức của người lao động; hoàn thiện cơ chế, chính sách; đổi mới hoạt động đào tạo; gắn kết giữa thị trường lao động trong nước với thị trường nước ngoài,... Nếu thực hiện được những điều trên, tôi hi vọng trong tương lai không xa sinh viên tốt nghiệp đại học ở Việt Nam sẽ không còn bị thất nghiệp, đồng thời sẽ có nhiều cơ hội việc làm hơn, thu nhập cao hơn.

Phần I. Cơ chế đảm bảo chất lượng²

Xuất phát từ thực tế đang diễn ra với giáo dục đại học tại Việt Nam về việc mở rộng hệ thống giáo dục, Chính phủ Việt Nam đã thấy được tầm quan trọng của việc cải cách để nâng cao chất lượng dạy và học đại học. Thêm vào đó, việc đảm bảo chất lượng chính là cách thức để đạt được mục tiêu đề ra. Thực tế, trong một vài năm gần đây, hệ thống kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục tại Việt Nam đã từng bước được hình thành.

Năm 2000, lần đầu tiên đảm bảo chất lượng giáo dục hiện đại được đưa vào hệ thống giáo dục đại học Việt Nam thông qua Dự án Giáo dục Đại học Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (HEP1). Dự án đã cung cấp kinh phí cho 30 trường đại học để tăng cường cơ sở hạ tầng. Năm 2003, Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục (GDETA) được thành lập, chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống kiểm tra đánh giá và điều phối các kỳ thi. Điều này đánh dấu cho một bước phát triển mới trong hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam. Năm 2004, các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ GD&ĐT ban hành tạm thời. Theo quy định, quy trình kiểm định chất lượng trường đại học gồm 3 giai đoạn: Tự đánh giá do trường đại học thực hiện, hội đồng đánh giá ngoài đến đánh giá và Bộ GD&ĐT quyết định công nhận. Ban đầu, báo cáo tự đánh giá yêu cầu các trường phải thực hiện theo 10 tiêu chuẩn, 53 tiêu chí, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu và lập kế hoạch cải tiến. Năm 2005, kiểm định chất lượng giáo dục chính thức được đưa vào Luật Giáo dục.

Năm học 2006-2007, việc thí điểm đánh giá ngoài lần đầu tiên được thực hiện tại 20 trường đại học được lựa chọn. Với sự hỗ trợ của Dự án Profqim Hà Lan (một tiểu dự án trong Dự án Giáo dục Đại học Việt Nam – Hà Lan), các thành viên đoàn kiểm định đã được hỗ trợ về quy trình, thủ tục để làm việc một cách thống nhất. Sau hai năm thí điểm và rà soát, năm 2007, “Quy chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học” mới sửa đổi gồm 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí đã được phê duyệt và ban hành nhằm hỗ trợ các trường đại học thực hiện tự đánh giá. Đồng thời, được sự cho phép của Bộ GD&ĐT, các trường Đại học có nghĩa vụ thành lập các trung tâm đảm bảo chất lượng để chịu trách nhiệm về hoạt động đảm bảo chất lượng nội bộ của mình. Cho đến nay, hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam đã khá hoàn thiện, với hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ trong các cơ sở

² Bài viết của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

giáo dục là các trung tâm đảm bảo chất lượng (QAC) và hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài là GDETA. Từ năm 2008, với sự hỗ trợ từ các dự án quốc tế, HEP1, Profqim và gần đây là HEP2, quá trình kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam đã được đẩy nhanh và ngày càng có nhiều QAC được thành lập ở nhiều trường đại học.

Hơn nữa, để đáp ứng nhu cầu của một xã hội hiện đại trong thời đại toàn cầu hóa và đổi mới trong giáo dục đại học Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020". Đề án này là một chính sách toàn diện của giáo dục. Đề án nhằm thực hiện đổi mới giáo dục dạy và học ngoại ngữ các cấp trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm xây dựng và hoàn thiện chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, phương pháp dạy học, giáo viên, đánh giá..., đặc biệt là tăng cường chương trình ngoại ngữ cho các trường nghề, cao đẳng và đại học. Thông qua đó, tất cả sinh viên tốt nghiệp sẽ đạt trình độ tiếng Anh để giao tiếp hiệu quả và lưu loát, đáp ứng nhu cầu của tất cả các ngành nghề.

Việc thiết lập EQA (Đảm bảo chất lượng bên ngoài) và IQA (Đảm bảo chất lượng nội bộ) tại Việt Nam đã được theo đuổi từ những năm 1990 và một số dự án quốc tế đã hỗ trợ HE (Giáo dục đại học) và QA (Đảm bảo chất lượng) trong nước. Hệ thống HE đã phát triển nhanh chóng. Việt Nam là quốc gia tiên tiến nhất trong các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam) về tính sẵn có và chất lượng tài nguyên. Tuy nhiên, dường như Việt Nam vẫn chưa tìm được cách tiếp cận và phương tiện chất lượng phù hợp để thực hiện ổn định các cơ chế QA. Chính sách của chính phủ đã hỗ trợ tự chủ và độc lập về thể chế ở các trường đại học trong vài năm qua. Do đó, có thể thấy sự thay đổi trong EQA chuyển sang các cơ quan độc lập và xây dựng thí điểm về "Tự chủ đại học". 11 trường đại học đã đăng ký tham gia "Tự chủ đại học" từ năm 2015 đến năm 2017. Các trường đại học này được trao nhiều quyền tự chủ hơn trong việc ra quyết định chung và các quyết định liên quan tới tài chính, đổi lại, các trường phải cam kết hoàn thành các mục tiêu nhất định và bị cắt giảm một phần ngân sách nhà nước. Do sự chuyển đổi hiện nay từ cách tiếp cận EQA sang phi tập trung với nhiều cơ quan độc lập hơn, Việt Nam là một trường hợp rất thú vị trong khu vực và là một ví dụ điển hình về cách các khuôn khổ liên tục thay đổi và đang được phát triển. Việt Nam một mặt có nhiều kinh nghiệm về QA hơn các nước CLMV khác nhưng mặt khác vẫn đang trong giai đoạn mới phát triển và thử nghiệm. Hệ thống EQA hiện đang trải qua những thay đổi lớn với cách tiếp cận từng bước nhằm nâng cao và phát triển. Khoảng 30% các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam báo cáo cho Bộ GD&ĐT, số còn lại

báo cáo cho bộ chủ quản (ví dụ: Bộ Nông nghiệp, Bộ Tài chính, v.v.). Hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam phức tạp và manh mún với nhiều trường đại học nhỏ có tính chuyên môn cao và các trường đại học lớn như Đại học Quốc gia bao gồm nhiều chuyên ngành. Đảm bảo và công nhận chất lượng là trách nhiệm của Bộ GD&ĐT đối với tất cả các cơ sở giáo dục đại học.

Tháng 6/2021, Hội thảo của dự án MOTIVE với chủ đề về Đảm bảo chất lượng được tổ chức tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam do Cơ quan Đánh giá và Chứng nhận Chất lượng Quốc gia Tây Ban Nha (ANECA) - đối tác của dự án - chủ trì. Tại Hội thảo, các đối tác châu Âu đã trình bày với Việt Nam những kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất từ phía EU, những đề xuất và nhấn mạnh vai trò của việc Theo dõi sinh viên tốt nghiệp như một công cụ quan trọng trong việc đánh giá chất lượng của ngành Giáo dục. Những đề xuất đó đều được đánh giá cao và các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam sẽ điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh riêng của mình.

Phụ lục I của tài liệu này cung cấp các bài thuyết trình được thực hiện trong các Hội nghị/hội thảo của dự án MOTIVE.

Một số **khuyến nghị** liên quan đến tầm quan trọng của QA ở cấp quốc tế gồm:

Phát triển các tiêu chuẩn, hướng dẫn và nguyên tắc chung (như ESG), được kết nối với Khả năng so sánh và tính tương thích của các quy trình QA:

- Tạo điều kiện so sánh và hiểu biết giữa các hệ thống đảm bảo chất lượng quốc gia;
- Tạo điều kiện so sánh và công nhận mức độ và kết quả của các hoạt động đảm bảo chất lượng bên ngoài;
 - Xây dựng và thúc đẩy sự tin tưởng lẫn nhau;
 - Cải thiện khả năng trao đổi;
 - Tăng tính minh bạch cho sinh viên, người sử dụng lao động và toàn xã hội.

Hơn nữa, việc quốc tế hóa và kết nối mạng lưới QA tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các khu vực giáo dục đại học dựa trên sự tin tưởng.

- Song phương;
- Trong khu vực: Châu Âu, khu vực Ả Rập, Châu Á - Thái Bình Dương.

Sự ủy nhiệm có thể được thiết lập dựa trên sự hiểu biết lẫn nhau theo một phương pháp đảm bảo chất lượng nhất định.

Phần II. Sinh viên tốt nghiệp và thị trường lao động³

Mục đích của nghiên cứu này nhằm làm rõ thực tế, đó là sinh viên tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà tuyển dụng, vẫn còn khoảng cách giữa nhà tuyển dụng và ứng viên, mặc dù các nhà tuyển dụng vẫn thiếu đội ngũ nhân sự phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay, có rất nhiều phương tiện hỗ trợ cho doanh nghiệp và người lao động tìm đến nhau, từ các trang web tuyển dụng chuyên nghiệp, mạng xã hội, diễn đàn, hội nhóm, website thông qua mạng internet. Tuy nhiên, để “người tìm đúng việc” và “việc tìm đúng người” vẫn còn khá nhiều khó khăn. Trên cơ sở khái quát, làm rõ những nhân tố ảnh hưởng, từ đó, đề xuất một số biện pháp nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp và đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

Ở Việt Nam giai đoạn hiện nay, vấn đề việc làm, tuyển dụng của sinh viên sau khi tốt nghiệp là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với bản thân sinh viên, với gia đình, nhà trường và xã hội. Trong thời gian gần đây, tìm kiếm việc làm đang là vấn đề khó khăn đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp. Có một việc làm đúng với ngành nghề đào tạo luôn là mong muốn của không chỉ đối với các sinh viên tốt nghiệp ra trường mà ngay cả đối với các sinh viên đang còn học tập trong trường đại học. Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khoảng 60% sinh viên ra trường làm trái ngành và tính đến đầu năm 2017 có hơn 200.000 cử nhân thất nghiệp. Có nhiều nguyên nhân khách quan dẫn đến tình trạng trên như: Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh có nhiều khó khăn, nhu cầu tuyển dụng lao động bị thu hẹp. Đối với các cơ quan, tổ chức nhà nước, nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức ngày càng có yêu cầu cao hơn về chất lượng. Việc có thêm nhiều cơ sở đào tạo ra đời dẫn đến số lượng sinh viên được đào tạo ở cùng các ngành, chuyên ngành ngày càng nhiều, cung vượt cầu. Đồng thời các nhân tố chủ quan liên quan đến phẩm chất, năng lực, trình độ, kỹ năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp... Vì vậy, trong nội dung bài viết này, trên cơ sở khái quát, làm rõ những nhân tố ảnh hưởng, từ đó, đề xuất một số biện pháp nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp và đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

Tính phù hợp của chương trình đào tạo ở một số cơ sở đào tạo vẫn chưa đáp ứng được

³ Bài viết của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

với thị trường lao động hiện nay. Kiến thức tích lũy trong nhà trường của sinh viên chưa phù hợp với công việc thực tế, chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp. Một số môn học trong chương trình đào tạo đã không còn phù hợp với đòi hỏi thực tế của thị trường lao động, nội dung thiếu thực hành, thiếu trang bị kỹ năng làm việc. Với sinh viên, trong quá trình học tập thường chưa tích cực học tập kiến thức và trau dồi kỹ năng làm việc theo từng học phần được học, không tích cực với các nội dung tự học, học trên lớp, tham khảo tài liệu, tự học, tự tìm hiểu từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua mối quan hệ xã hội với những đàn anh/chị đã có việc làm nên nhiều sinh viên ra trường không xin được việc làm hoặc có việc làm nhưng không đảm nhiệm được vị trí công tác, phải đào tạo lại. Vì vậy, sự “Năng động và chuyên sâu” là nhân tố nổi bật thể hiện sự đòi hỏi của thực tiễn đối với kỹ năng, khả năng đảm nhận công việc của sinh viên. Sinh viên sau tốt nghiệp có chuyên môn tốt sẽ dễ dàng thích ứng và giảm được áp lực công việc.

Trong môi trường làm việc mà xu thế cạnh tranh đang ngày càng phát triển, nếu không có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, sinh viên khó có thể bảo đảm yếu tố gắn bó với công việc ở các cơ quan tuyển dụng. Các cơ quan tuyển dụng sẽ không tuyển nếu không nhìn thấy ở ứng viên niềm say mê và tâm huyết nghề nghiệp mà họ đã chọn. Vì vậy, Định hướng nghề nghiệp của sinh viên có ảnh hưởng lớn đến việc tiếp thu kiến thức trong quá trình học cũng như cơ hội kiếm được việc làm của sinh viên ra trường. Nhiều nhà quản lý nhân sự ở các công ty có chung nhận định: Lao động trẻ thiếu định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Đa số có tư tưởng xin việc vì quyền lợi bản thân chứ chưa nghĩ nhiều về công việc, chưa thật sự tâm huyết và sống chết vì nó. Nếu sinh viên mới ra trường có thể định hướng cho bản thân một hướng phát triển dài hạn trong tương lai, và từ định hướng đó, tìm kiếm công việc phù hợp trước mắt để có thể phát triển đúng định hướng của mình, nhà tuyển dụng sẽ đánh giá cao. Và nếu định hướng phát triển sự nghiệp của ứng viên phù hợp với môi trường làm việc của công ty, nhà tuyển dụng sẽ đánh giá rằng, ứng viên đó có thể gắn bó lâu dài với công ty của họ.

Nhiều sinh viên thi tuyển sinh vào Đại học không phải vì ham mê, yêu thích hay có năng khiếu mà chỉ để lấy một trường nào đó để đi học. Cũng có sinh viên có khả năng về chuyên ngành mình theo học nhưng trong quá trình học đã không chịu khó học hành, rèn luyện kỹ năng, không xác định rõ mục tiêu hay học hỏi kinh nghiệm trong quá trình học tập nên khi ra trường không tránh khỏi việc lúng túng khi tiếp cận với công việc. Trong khi xã hội ngày càng đòi hỏi người thực sự có khả năng làm việc hiệu quả, có chất lượng thì tất yếu những

người không có khả năng sẽ bị xã hội tự đào thải. Ngoài việc trang bị những kiến thức, kỹ năng chuyên môn thì việc trang bị kỹ năng mềm là một yếu tố rất quan trọng trong môi trường công việc. Có những công việc, kỹ năng mềm chiếm đến 80% yêu cầu công việc, và chuyên môn chỉ chiếm 20%. Càng lên vị trí càng cao, kỹ năng mềm càng quan trọng. Theo đánh giá của nhiều các nhà tuyển dụng thì đa số sinh viên mới tốt nghiệp thiếu những kỹ năng như: Kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xin việc, kỹ năng ngoại ngữ, vi tính, hợp tác và tự làm việc; tự chủ và thích ứng. v.v... khả năng tự tạo việc làm, sự năng động, thích ứng của sinh viên với yêu cầu của nhà tuyển dụng cũng còn hạn chế.

Một số **khuyến nghị** về tuyển dụng, việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đối với các cơ sở đào tạo

- Nâng cao chất lượng đào tạo bằng việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, xây dựng đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tiến công tác quản lý. Các cơ sở đào tạo cần rà soát, cập nhật bổ sung, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp, xây dựng lại nội dung chương trình đào tạo cho sát với thực tiễn. Đào tạo kiến thức gắn lý thuyết với thực tiễn, tổ chức chương trình học phù hợp với phân bổ tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thời gian thực hành nghề nghiệp.

- Đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu của xã hội. Gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường với các cơ quan, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong các hoạt động tìm hiểu nhu cầu lao động, phối hợp trong công tác thực tập và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều cơ hội để giao lưu, làm việc với các công ty, doanh nghiệp để họ có dịp tiếp xúc với các nhà tuyển dụng để học hỏi kinh nghiệm, kiến thức nghề nghiệp. Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị, xã hội trong các trường ĐH, CĐ cần tăng cường các hình thức cung cấp thông tin về lao động - việc làm, hướng nghiệp cho sinh viên để nâng cao nhận thức và có định hướng trong học tập, rèn luyện.

- Đào tạo trình độ ngoại ngữ và tin học, đào tạo kỹ năng giao tiếp, thuyết trình cùng với một số kỹ năng mềm khác mà sinh viên cần có như nghệ thuật giao tiếp, xử lý tình huống... Với những yêu cầu đặt ra từ phía các tổ chức tuyển dụng, các trường đào tạo cần phải quan tâm xem xét để tạo điều kiện tối đa cho người học có cơ hội học tập và rèn luyện nhằm đáp ứng nhu cầu từ các tổ chức tuyển dụng.

Đối với sinh viên

- Sinh viên cũng cần tích cực học tập rèn luyện tiếp thu kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài những kiến thức được học tại trường, sinh viên nên bổ sung cho mình những kỹ năng mềm để hòa đồng và thích nghi ngay với môi trường làm việc mới. Vì vậy, ngay trong quá trình học tập tại các cơ sở đào tạo ĐH, CĐ sinh viên phải thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội - nghề nghiệp, để nâng cao các kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình cùng với một số kỹ năng mềm khác cần có như xử lý tình huống, kỹ năng quản lý, lãnh đạo, giao tiếp tự tin, làm việc theo nhóm, các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ phục vụ cho công việc sau này. Đồng thời nên có những công việc làm thêm để có sự trải nghiệm và như vậy sau khi đi làm, vừa có bằng vừa có kinh nghiệm làm việc, vừa có sự tự tin trong công việc.
- Sinh viên cần có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, xác định rõ mục tiêu việc làm, hướng đi phù hợp với bản thân để phấn đấu học tập, rèn luyện phát huy những khả năng của mình về lĩnh vực nghề nghiệp, mở rộng các mối quan hệ với các cơ quan tuyển dụng, tạo thế mạnh khi tìm kiếm việc làm. Nền tảng học vấn là yếu tố quan trọng, được tích lũy trong quá trình học tập và thể hiện ở chuyên ngành và bằng cấp, đây là yếu tố cần để tham gia trong quá trình tuyển dụng. Tuy nhiên, trong thực tế theo các nhà doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, văn bằng không phải là yếu tố quyết định mà là khả năng tiếp nhận và xử lý công việc của bản thân như thế nào trong quá trình làm việc thực tế. Vì vậy, vấn đề căn bản rút ngắn “khoảng cách” giữa ứng viên và nhà tuyển dụng ở đây đó chính là việc xác định được mục tiêu nghề nghiệp, tiêu chí việc làm của mỗi cá nhân cũng như sự phù hợp với cá tính, tố chất của ứng viên khi tham gia vào quá trình tuyển dụng ở doanh nghiệp nào đó.
- Sinh viên sau tốt nghiệp cần thâm nhập thực tế, tìm hiểu nhu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp, nắm bắt những dự báo nhu cầu xã hội của các cấp để xác định nhu cầu công việc trong tương lai. Thiết lập mối liên lạc thường xuyên với các doanh nghiệp, đơn vị tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên. Hiện nay, có rất nhiều phương tiện thông tin, truyền thông tạo cơ hội cho doanh nghiệp và người lao động tìm đến nhau, từ các trang website tuyển dụng chuyên nghiệp hoặc các phương tiện như mạng xã hội, diễn đàn, hội nhóm. Tuy nhiên, để “người tìm đúng việc” và “việc tìm đúng người” đều vẫn còn khá nhiều khó khăn. Vì vậy, việc xác định sở trường, định hướng công việc và Tham gia các khóa đào tạo kỹ năng tìm kiếm, khai thác việc làm sẽ tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp với khả năng chuyên môn đã được đào tạo.
- Bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, lòng yêu nghề, chấp nhận khó khăn, gian khổ và sẵn

sàng đổi mới và đón nhận những thử thách, khó khăn mới. Đạo đức nghề nghiệp đối với người lao động cần phải được chú ý, quan tâm, đặc biệt khi được giao nhiệm vụ với những công việc đòi hỏi tính trung thực, trung thành. Đồng thời, thể hiện rõ tham vọng tìm kiếm một công việc, bởi chính những tham vọng nghề nghiệp là lý do quan trọng để nhân viên cống hiến hết mình cho công việc; Xác lập những kiến thức, kỹ năng về hướng nghiệp; Lập kế hoạch bản thân; Xây dựng mối quan hệ; Rèn luyện tinh thần cởi mở, học hỏi. Chính những điều này sẽ tạo cho nhà tuyển dụng sự yên tâm nhất định và tạo bản thân người học có động lực, trách nhiệm theo đuổi nghề nghiệp mà họ đã lựa chọn.

Phần III. Tự đánh giá, năng lực cốt lõi và việc làm⁴

Trong chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam, khi học sang năm cuối sinh viên sẽ đi thực tập. Với sinh viên, kiến thức là cần thiết nhưng chưa đủ. Ngoài việc tích lũy kiến thức, sinh viên cần trau dồi kỹ năng để vận dụng kiến thức được học vào thực tế. Đây là điều kiện cần nhưng hiện nay sinh viên còn đang rất thiếu. Thông qua chương trình thực tập, sinh viên không những được trang bị thêm kiến thức mà còn chủ động áp dụng kiến thức được học vào thực tế. Đồng thời, thực tập tạo cho sinh viên các mối quan hệ mới, học được cách làm việc nhóm trong đó “mối quan hệ giữa con người với nhau” luôn được tôn trọng.

Thực tập là một hoạt động giáo dục đặc thù, góp phần hình thành, phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên theo mục tiêu đào tạo. Đối với sinh viên, thực tập có vai trò quan trọng không chỉ đối với quá trình học tập mà còn đối với sự nghiệp tương lai. Chương trình thực tập này nhằm giúp sinh viên tiếp cận với những ngành nghề mà mình đã lựa chọn khi vào đại học.

Các hoạt động thực tế trong quá trình thực tập, thực tập tốt nghiệp có thể giúp sinh viên hiểu rõ mình sẽ làm việc như thế nào sau khi tốt nghiệp và có những điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, các hoạt động thực tế này có thể giúp nhà trường hiểu sâu sắc thực tiễn kinh doanh, từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong chương trình đào tạo, tăng cường sự hợp tác giữa trường đại học, doanh nghiệp và sinh viên trong việc thực tập, thực tập tốt nghiệp. Trong quá trình thực tập, sinh viên có thể tạo dựng những mối quan hệ mới rất hữu ích, có thể có nhiều cơ hội việc làm hơn sau này.

Thông qua công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp Hà Nội và các chương trình hỗ trợ sinh viên Đại học Hà Nội cũng như các trường đại học khác trên địa bàn Hà Nội, tham gia các chuyến đi thực tế và thực tập tại các công ty trong khu công nghiệp Hà Nội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (HIZA) xin nêu một số vấn đề cần chia sẻ với các trường đại học và sinh viên nhằm tăng cường sự hợp tác giữa trường đại học, doanh nghiệp và sinh viên, từ đó tăng cường khả năng tiếp cận thị trường lao động cho sinh viên cũng như cho phép các trường đại học có những điều chỉnh trong hoạt động đào tạo theo hướng giáo dục thực tiễn.

⁴ Bài viết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Thực tập là một vị trí không cố định trong một tổ chức hoặc công ty. Quá trình chuyển từ sinh viên thành nhân viên, chắc hẳn người học sẽ gặp rất nhiều trở ngại, không biết phải làm việc gì, cảm thấy căng thẳng và lãng phí thời gian. Trong khi đó, các tổ chức, doanh nghiệp có thể cho rằng sinh viên thực tập chưa biết, chưa thành thạo nên không thể giao những nhiệm vụ quan trọng. Trong tình huống này, sinh viên thực tập cần tìm cách chứng tỏ năng lực của mình. Sinh viên nên biết tổ chức, doanh nghiệp đang tìm kiếm điều gì. Bằng cách này, người học chắc chắn sẽ tìm được việc làm xứng đáng. Để hỗ trợ sinh viên, chúng tôi xin đưa ra một số **khuyến nghị** cơ bản mà các em cần chú ý trong quá trình thực tập:

1. Trung thực, chăm chỉ

- Hoàn thành, bắt đầu từ những điều nhỏ nhất. Vì thực tập sinh chưa có đủ kinh nghiệm làm việc cũng như mạng lưới quan hệ nên không còn cách nào khác là phải nỗ lực cải thiện bản thân. Nếu sinh viên thực tập không được giao bất kỳ nhiệm vụ nào thì cũng nên cố gắng tìm công việc gì đó có thể thực hiện được. Từ những công việc cơ bản như gửi và nhận bưu kiện, sinh viên thực tập có thể gây được ấn tượng tốt. Thực tế, một số công ty mong muốn thực tập sinh có một khởi đầu hoàn hảo, điều mà công ty quan tâm nhất chính là thái độ, năng lực và định hướng phát triển.
- Hãy chấp nhận làm thêm giờ khi cần thiết và có yêu cầu. Thực tập sinh cũng cần có tinh thần trách nhiệm cao, không bao giờ cho mình ngoại lệ trong các hoạt động chung của cơ quan, doanh nghiệp. Công ty thường không yêu cầu nhân viên làm thêm giờ mà chỉ yêu cầu khi cần thiết. Vì thế, hãy sẵn sàng khi công ty có yêu cầu.
- Làm với tất cả sự nhiệt tình mà không kêu ca, phàn nàn.
- Không đưa ra lý do vô lý hoặc lý do bừa bãi. Nhiều thực tập sinh thực sự có năng lực, nhưng họ quá tự tin và muốn chứng tỏ bản thân bằng mọi giá, vì vậy mỗi khi mắc lỗi, họ đưa ra một số lý do vô lý hoặc lý do để trốn tránh trách nhiệm. Ví dụ, một thực tập sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, nhưng một lần anh ta viết sai địa chỉ giao hàng. Sẽ không có gì xảy ra nếu anh ta ngay lập tức sửa chữa sai lầm của mình khi dịch vụ giao hàng báo lại. Tuy nhiên, vì tâm lý "sợ sai", anh đổ lỗi cho khối lượng công việc quá nhiều. Vì vậy, ấn tượng cuối cùng của mọi người về anh ta là một người không trung thực và vô trách nhiệm. Ai cũng có thể mắc sai lầm nhưng thẳng thắn sẽ khiến mọi việc đơn giản hơn.
- Tận tâm trước khi đề xuất quyền lợi. Trong thời gian thực tập, khi giải quyết công việc cụ thể có lợi cho đơn vị, đừng hỏi "Tôi sẽ được gì từ việc này?" Hãy tưởng tượng rằng sự tham gia của bạn vào nơi làm việc chỉ là một quá trình kiếm tiền, tích lũy và áp dụng kiến thức. Vì vậy, không nên đặt ra bất kỳ điều kiện nào.

2. Luôn làm việc chăm chỉ, tích cực

- Thứ nhất, thực tập sinh phải nắm rõ công việc và các vấn đề liên quan đến công việc được giao, tìm hiểu kỹ về cơ quan, doanh nghiệp nơi mình đến thực tập. Là một thực tập sinh, bắt buộc phải xác định rõ ràng mục tiêu của mình khi đến thực tập tại một công ty nào đó. Khi đến làm việc, thực tập sinh cần tìm hiểu thực tế nên và không nên làm gì. Nhiều thực tập sinh đến công ty khi không được phân công công việc đều được đưa đến thư viện để học hoặc làm việc riêng. Một số người khác yêu cầu chứng chỉ trước khi thực tập. Nếu bạn không thực sự quan tâm đến điều này thì tốt hơn hết đừng lãng phí thời gian thực tập. Để tiếp cận với công việc, trước khi đi thực tập, bạn nên tìm hiểu thêm những kiến thức nghề nghiệp phù hợp để thích ứng với kế hoạch thực tập của mình như: Công việc cụ thể là gì, trách nhiệm ra sao, công việc hàng ngày của bạn như thế nào (khi thực tập)..., cơ cấu tổ chức của công ty bạn và bộ phận bạn đang thực tập, ưu tiên chính của bạn là gì? Để thực tập hiệu quả, bạn cần có sự chuẩn bị tốt, không chỉ kiến thức mà còn cả tâm lý vì kết quả tùy thuộc vào khả năng thích ứng của mỗi người. Những thực tập sinh kiên nhẫn, cởi mở và thân thiện với nhân viên công ty sẽ sớm hoàn thành khóa thực tập. Rất nhiều sinh viên sau thực tập đã có việc làm (một số công ty vẫn tuyển dụng nhân viên theo hình thức này). Đây là cách tốt nhất để xin việc. Vì vậy hãy tận dụng cơ hội, nhiệt huyết với công việc và tập trung vào việc học tập. Có thái độ tích cực, giống như cố gắng trở thành một nhân viên chính thức của công ty.

- Thứ hai, người học cần tích cực tìm kiếm việc làm. Kinh doanh không phải là trường học, không ai chỉ cho bạn những điều cụ thể, những điều cần biết. Nhưng thực tế, mọi thứ có thể học được ở văn phòng, đó là thực tế mà bạn cần phải đối mặt, và quan trọng hơn là bạn có thực sự muốn học nó hay không. Nếu bạn không thực sự được giao nhiệm vụ, hãy nhìn người khác làm việc với thái độ tích cực. Doanh nghiệp không bắt buộc phải đào tạo bạn, cơ hội nằm trong tầm tay bạn, nếu bạn chưa thực sự sẵn sàng thì mọi thứ sẽ biến mất.

- Thứ ba, người học cần có tư duy chủ động, tích cực nghiên cứu vận dụng kiến thức đã học vào công việc thực tiễn. Khi bạn ở trong tổ chức, các bạn cần chuẩn bị tâm lý, đừng quá “sốc” khi những điều mình học không thể áp dụng được. Ở trường đại học, kiến thức bạn học mang tính lý thuyết nhưng thực tế đang thay đổi từng ngày. Hãy luôn chuẩn bị trước các câu hỏi khi học và khi đó bạn sẽ trở nên nổi trội trong giải quyết mọi vấn đề, nâng cao kiến thức còn thiếu. Đồng thời chấp nhận rằng thiếu kinh nghiệm chắc chắn sẽ gặp trở ngại, có thể thất bại nhưng hãy sẵn sàng đón nhận mọi cơ hội, thách thức, tự tin và tự điều chỉnh.

- Thứ tư, thực tập sinh phải đặt câu hỏi trong quá trình thực tập. Nhiều bạn ngại đặt câu hỏi và rất khó đặt câu hỏi cho người khác. Dù phải mất rất nhiều thời gian thực hành nhưng bạn sẽ không thể biết chính xác trình tự công việc và không biết cách làm việc. Đặt câu hỏi là cách bạn học hỏi và chuẩn bị tinh thần trước những đồng nghiệp khó tính. Đặt câu hỏi cũng là một cách để chủ động cho bạn.

3. Phong cách làm việc chuyên nghiệp.

Thực tập sinh cần phải nghiêm túc, chuyên nghiệp, uy tín và đúng giờ. Luôn tìm cách hoàn thành nhiệm vụ được giao như thể bạn là nhân viên chính thức của cơ quan, doanh nghiệp; Tìm hiểu tất cả các khía cạnh của công việc, chỉ nói "không thể", "không", "không tìm thấy" sau khi tìm kiếm thông tin bằng mọi cách. Khi giải quyết nhiệm vụ, phải luôn nghĩ rằng không có gì là không thể. Đây là điều mà nhiều người lao động Việt Nam còn thiếu. Hãy nhớ rằng nhà tuyển dụng chọn người phù hợp nhất chứ không phải người giỏi nhất. Không có gì đảm bảo rằng một bảng điểm tốt sẽ tạo nên một nhân viên chuyên nghiệp và hiệu quả. Trong quan điểm của nhà tuyển dụng không có trường lớn, trường nhỏ, chỉ có người có ích hay không. Trong thời gian thực tập, bạn có thể thể hiện những gì mình có thể làm với thái độ nghiêm túc, chuyên nghiệp nhất có thể.

4. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, hãy nhớ "Nguyên tắc 3C":

Cười - Chào hỏi - Cảm ơn. Hãy để mọi người trong tổ chức hoặc công ty của bạn biết rằng bạn đã sẵn sàng trở thành một thành viên của đơn vị và đóng góp tích cực để tạo ra một hình ảnh công ty tươi mới và hài hòa.

Từ những quan điểm này của cộng đồng doanh nghiệp, các đối tác châu Âu, trong Hội nghị tại Đại học Hạ Long vào tháng 7/2022, đã đưa ra một vài kinh nghiệm tốt nhất từ phía châu Âu. Dưới sự điều hành của INCOMA, hội thảo đã trình bày khung tham chiếu của Liên minh Châu Âu về các năng lực chính (đọc viết, đa ngôn ngữ, toán học, năng lực về khoa học công nghệ và kỹ thuật, năng lực kỹ thuật số, năng lực cá nhân, xã hội và học tập, quyền công dân, tinh thần kinh doanh, nhận thức văn hóa và năng lực biểu đạt).

Phần thứ hai do INCOMA trình bày xoay quanh chủ đề về tầm quan trọng của trải nghiệm đi trao đổi quốc tế đối với khả năng tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp, nhấn mạnh kết quả là sinh viên/sinh viên tốt nghiệp được chuẩn bị tốt hơn, tò mò hơn, tự tin hơn, linh hoạt hơn và cởi mở hơn. Sinh viên/sinh viên tốt nghiệp không chỉ được trải nghiệm về nền tảng chuyên môn mà còn nhận thức rõ hơn về THÓI QUEN, KỸ NĂNG và NĂNG LỰC của mình.

Mặt khác, đại diện Trường đại học FH Joanneum, Khoa Khoa học Ứng dụng, đã trình bày kinh nghiệm của Áo thông qua hai phương pháp làm tốt nhất là "Phương pháp giảng dạy

kết nối” và “Các dự án dành cho sinh viên và sự tham gia sớm vào môi trường kinh doanh thực tế”.

Phần IV. Chính sách dựa trên minh chứng và giáo dục đại học: Thực trạng, thách thức và cơ hội ⁵

Theo kết quả phân tích dữ liệu của Dự án MOTIVE, tỷ lệ thất nghiệp của sinh viên tốt nghiệp tại Việt Nam gần đây đã tăng cả về số lượng và tỷ lệ. Khảo sát năm 2022 cho thấy tỉ lệ thất nghiệp tăng 2,6% so với khảo sát thí điểm đầu tiên của Dự án được thực hiện năm 2021. Sự gia tăng này có thể được giải thích là do sự trở lại “trạng thái bình thường” và đại dịch Covid kết thúc.

Liên quan sinh viên tốt nghiệp tại Việt Nam, theo thống kê của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, có khoảng 60% sinh viên tốt nghiệp không có việc làm đúng chuyên ngành, từ đầu năm 2017 đến nay có hơn 200.000 cử nhân thất nghiệp.

Có được việc làm đúng chuyên ngành không chỉ là mục tiêu hướng tới của sinh viên tốt nghiệp mà còn là mong muốn của tất cả các sinh viên còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Theo số liệu thống kê, hiện tại có 412 trường đại học, cao đẳng ở các tỉnh, thành phố, chia bình quân là 6,6 trường/tỉnh và 2.200.000 sinh viên theo học. Con số này cao hơn so với các nước phát triển. Các trường tiến hành đào tạo với số lượng lớn để tạo nguồn tài chính bù đắp cho các khoản chi thường xuyên dẫn đến chất lượng giảng dạy, đầu ra còn hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế. Thực tế, với hàng chục nghìn sinh viên tốt nghiệp mỗi năm, chỉ một số ít được nhà tuyển dụng lựa chọn vì cung cầu lao động có sự chênh lệch lớn. Hệ quả là nhiều sinh viên mới ra trường phải đấu tranh quyết liệt để “lọt vào mắt” nhà tuyển dụng nhưng chỉ có một số ít may mắn có được việc làm. Điều quan trọng chính là yếu tố chủ quan liên quan đến phẩm chất, năng lực và kỹ năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Vì vậy, bài viết này, trên cơ sở tổng quan, sẽ làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng thất nghiệp của sinh viên tốt nghiệp và việc tuyển dụng, đề xuất một số **khuyến nghị** giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp và đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.

I. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tuyển dụng và việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

1. Chương trình giảng dạy

⁵ Bài viết của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

Vấn đề thất nghiệp của sinh viên tốt nghiệp hiện nay là do chương trình đào tạo nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành. Trong chương trình giảng dạy ở hầu hết các trường, việc thực hành còn hạn chế, nội dung đào tạo chưa đi sâu vào thực tế chuyên môn. Kiến thức chung, lý thuyết quá nặng, không chú trọng đào tạo kỹ năng làm việc cho sinh viên. Không có kinh nghiệm làm việc thực tế, chỉ học lý thuyết, sinh viên tốt nghiệp sẽ có ít trải nghiệm thực tế và sẽ rất khó khăn khi làm việc, do đó không được nhà tuyển dụng lựa chọn.

2. Năng lực thực hành của sinh viên:

Trong thời điểm hiện tại, việc đổ vào các trường đại học không còn khó khăn như trước đây vì vậy nhiều học sinh không khó để đậu vào các trường cao đẳng, đại học. Một số học đại học chỉ nhằm mục đích có tấm bằng. Một số khác có năng khiếu phù hợp, nhưng không chăm chỉ, không tích lũy được kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn nên khá lúng túng trong việc tiếp cận công việc. Trong khi xã hội ngày càng đòi hỏi những người thực sự có khả năng làm việc hiệu quả thì những người không có khả năng sẽ bị loại bỏ. Theo các nhà tuyển dụng, hầu hết sinh viên mới ra trường đều thiếu các kỹ năng như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xin việc, kỹ năng ngoại ngữ, tin học, hợp tác và tự kinh doanh; tự chủ và thích ứng, khả năng tạo việc làm, sự năng động, thích ứng của sinh viên với yêu cầu của nhà tuyển dụng cũng còn hạn chế.

3. Có khoảng cách giữa trường đại học và nhà tuyển dụng.

Nhà tuyển dụng và sinh viên mới tốt nghiệp không có kết nối. Điều này dẫn đến nhà tuyển dụng không biết tìm nhân viên phù hợp ở đâu và sinh viên tốt nghiệp cũng không biết tìm việc làm phù hợp với chuyên ngành mình đã đào tạo ở đâu. Hơn nữa, hiện nay, các trường cao đẳng, đại học tuyển sinh một lượng lớn sinh viên mới vào các ngành nghề khác nhau, chỉ tiêu đào tạo vượt chỉ tiêu việc làm nên điều này dẫn đến nguồn cung nhiều hơn nhu cầu nhân lực.

4. Liên kết thị trường lao động giữa các trường đại học

Nhà tuyển dụng cần quảng cáo các cơ hội việc làm trực tuyến. Hơn nữa, sinh viên mới tốt nghiệp nên nhanh chóng tìm kiếm việc làm trên mạng. Vấn đề này rất quan trọng trong việc giải quyết việc làm cho sinh viên và cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà tuyển dụng hoặc các cơ quan tuyển dụng.

5. Doanh nghiệp đẩy mạnh tự động hóa

Ngày nay, tự động hóa công nghiệp đã lấy đi nhiều cơ hội việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp. Các nhà máy, công ty đã sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất cũng như tính toán.

Về mặt lý luận và thực tiễn này, Hội thảo “Chính sách dựa trên minh chứng và giáo dục đại học: Thực trạng, thách thức và cơ hội” do Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức năm 2022 tại Hà Nội đã có sự tham dự và trình bày của các diễn giả khách mời quốc tế đến từ Vương quốc Anh, Ý, Úc cũng như từ Việt Nam. Trong hội thảo, các bài nghiên cứu sau đây đã được trình bày: “Dự định nghề nghiệp của sinh viên năm cuối đại học ở Việt Nam trong bối cảnh Covid-19” (Sinh viên Nguyễn Kim Ngân, Đại học Hà Nội), “Tác động của phúc lợi đến tư duy nghề nghiệp” (Tiến sĩ Elizabeth Knight, Đại học Victoria Melbourne, Australia, Tiến sĩ Belgin Ok-Somerville, Đại học Glasgow, Vương quốc Anh), “Phân tích khoảng cách giữa sự hài lòng trong công việc và nhận thức về quan điểm nghề nghiệp của những sinh viên trẻ mới tốt nghiệp. Bằng chứng từ Italia.” - được xuất bản trong cuốn sách “Tư duy nghề nghiệp và phúc lợi của người trẻ: Quan điểm quốc tế dựa trên dữ liệu theo chiều dọc” (Tiến sĩ Dorel Manitiu, Valentina Conti, AlmaLaurea, Italy), “Mở hộp đen về năng lực ngang của sinh viên tốt nghiệp. Những kết quả khác nhau trên thị trường lao động Ý” (Tiến sĩ Giulio Pedrini, Đại học Kore, Enna, Ý, Tiến sĩ Luca Cattani, Viện Khoa học Gran Sasso, l'Aquila, Ý), “Thử tưởng tượng lại mối quan hệ giữa chuyển đổi nghề nghiệp và phúc lợi: cái nhìn sâu sắc về hành trình giáo dục sau đại học ở Vương quốc Anh” (Tiến sĩ Daria Luchinskaya, Đại học Strathclyde, Glasgow, Vương quốc Anh, Tiến sĩ Charoula Tzanakou, Đại học Oxford Brooks, Vương quốc Anh) và “Khai thác dữ liệu lớn trong giáo dục và đào tạo ngành du lịch: Cơ hội và thách thức” (Tiến sĩ Vũ Hoài Nam, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam).

Kết luận và khuyến nghị

Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ, việc làm trong giới trẻ đang trở thành một vấn đề quan trọng. Ở Việt Nam, khó khăn trong việc tìm kiếm cơ hội việc làm, đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng của sinh viên mới ra trường đã gây lãng phí nguồn nhân lực.

Vì vậy, việc làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số khuyến nghị đối với công tác tuyển dụng, sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp là cơ sở để tạo cơ chế khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi trong việc sử dụng nguồn nhân lực trẻ và phát huy vai trò của thanh niên sau quá trình đào tạo.

Dự án MOTIVE đã mang lại giá trị gia tăng quan trọng cho các cơ sở giáo dục đại học tham gia bằng cách chia sẻ kinh nghiệm của các đối tác Châu Âu.

Có 02 Hội nghị đề xuất đến việc này: Hội nghị thứ nhất được tổ chức tại Bologna vào tháng 5 năm 2022, đã đưa ra những gợi ý bổ sung quan trọng cho Việt Nam. Một trong những đề xuất đó là tầm quan trọng của quy trình Theo dõi sinh viên sau khi tốt nghiệp và phân tích sâu hơn về tất cả các chỉ số và dữ liệu được thu thập, so sánh dữ liệu trong nước với quốc tế (sáng kiến Sinh viên tốt nghiệp Châu Âu). So sánh bao gồm sự khác biệt về giới, (bài thuyết trình của AlmaLaurea và Đại học Barcelona), sự liên kết và hợp tác giữa các trường đại học và cộng đồng doanh nghiệp (bài thuyết trình của Đại học FH Joanneum), phân tích ngành, tầm quan trọng của kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là tác động của Covid đối với thị trường lao động của sinh viên tốt nghiệp (INCOMA trình bày).

Tại Hội thảo tổ chức ở Bologna, nhóm sinh viên Việt Nam đạt giải trong cuộc phát động viết bài nghiên cứu khoa học trong khuôn khổ của dự án, đã trình bày kết quả nghiên cứu. Các bài nghiên cứu được đăng tải trên trang web của dự án: <https://motive-euproject.net/publications/>

Hội nghị lần thứ hai, được tổ chức tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, là cơ hội quan trọng để các nhà nghiên cứu trao đổi kinh nghiệm và đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực việc làm, thị trường lao động và sinh viên tốt nghiệp, giữa Việt Nam và các nhà nghiên cứu từ Ý, Anh và Úc.

Về Đảm bảo chất lượng: Có 2 Hội thảo được tổ chức:

Hội thảo thứ nhất do ANECA tổ chức đã đưa ra những gợi ý quan trọng cho giáo dục đại học tại Việt Nam.

Hội thảo thứ hai do Trường Đại học Hạ Long tổ chức, trong đó các đối tác Châu Âu, dưới sự điều động của INCOMA đã trao đổi một số cách làm tốt nhất, hiệu quả nhất từ Châu Âu. Tóm lại, dưới đây là một số giải pháp khả thi có thể áp dụng cho giáo dục đại học tại Việt Nam.

1. Nhà nước cần có chính sách linh hoạt cho giáo dục

Ai cũng biết rằng giáo dục là chìa khóa thành công. Nó mở ra cánh cửa cho nhiều cơ hội và trang bị cho mỗi người cả kỹ năng sống và làm việc. Thất học có thể khiến con người ta nghèo đói. Có những người muốn tiếp tục học lên cao hơn nhưng lại không thể do không đủ kinh phí.

Do đó, giáo dục phải làm sao để dễ tiếp cận với tất cả mọi người. Cách để đạt được mục tiêu này là miễn phí giáo dục phổ thông cho tất cả mọi người. Chính phủ cũng nên tạo điều kiện dễ dàng hơn cho sinh viên tiếp cận các khoản vay để chi trả học phí. Bằng cách này, nhiều người sẽ có thể đến trường và học các kỹ năng quan trọng. Thay đổi giáo trình để đáp ứng những thách thức của môi trường việc làm hiện đại cũng là một cách tiếp cận tốt. Điều này nên được thực hiện để theo kịp tốc độ thay đổi công nghệ.

2. Tìm kiếm thông tin mới nhất về công việc.

Trong trường hợp không có Sách hướng dẫn hồ sơ công việc nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp cần chủ động cập nhật thông tin về việc làm. Đọc báo, nghe đài, khai thác trên các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, đến trực tiếp công ty tìm hiểu các vị trí tuyển dụng. Đừng bao giờ từ bỏ việc tìm kiếm việc làm

3. Các trường đào tạo cần có sự tương tác với doanh nghiệp.

Có rất nhiều lợi ích trong việc gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động thông qua các công ty. Thứ nhất: tạo cơ hội cho sinh viên được trao đổi, làm việc với các công ty và từ đó có cơ hội được trò chuyện với các cơ quan, nhà tuyển dụng để học hỏi từ họ nhiều điều. Thứ hai: Tương tác với các doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng để có cơ hội nắm bắt được nhu cầu thiết yếu trong công việc thực tế, kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp để trang bị cho người học có năng lực tốt và có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm.

4. Hãy dấn thân vào nghề nghiệp.

Bằng cách dấn thân vào nghề nghiệp, sinh viên tốt nghiệp đang tăng thêm giá trị cho nghề nghiệp của mình, từ đó điều chỉnh chiến lược của bản thân để tìm kiếm việc làm. Kiến thức

chuyên môn về thâm canh, làm vườn trong nhà kính, nghề mộc hiện đại, chế tạo kim loại, lắp đặt điện và kỹ thuật lái xe phòng thủ... có thể biến họ từ người tìm việc thành người tạo việc làm nếu được thực hiện song song với bằng cấp của họ. Tiềm ẩn ở đây chính là chuẩn bị cho việc tự kinh doanh.

5. Trang bị kỹ năng và ngoại ngữ để có cơ hội việc làm cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam hoặc tại các nước khác:

Trong bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu hóa, sinh viên tốt nghiệp được tự do lựa chọn việc gửi CV tới các nhà tuyển dụng ở nước ngoài. Hãy chú ý đến độ tin cậy của Cơ quan tuyển dụng và Điều khoản tuyển dụng hiện có. Bạn cũng cần tìm hiểu về chính trị của quốc gia đó và cần tìm hiểu kỹ để không bị lừa. Bạn cần có một số kỹ năng mềm cần thiết khác như kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng quản lý, lãnh đạo, giao tiếp tự tin, làm việc nhóm, tin học, ngoại ngữ phục vụ cho công việc sau này. Đồng thời, bạn nên đi làm thêm để tích lũy kinh nghiệm. Như vậy, khi đi làm bạn vừa có kinh nghiệm làm việc vừa có sự tự tin trong công việc.

Tài liệu tham khảo

Hiệp hội các trường đại học AlmaLaurea (AlmaLaurea). (2020). Ghi chú phương pháp luận vào cơ sở dữ liệu trực tuyến:

https://www.almalaurea.it/sites/almalaurea.it/files/docs/universita/occupazione/occupazione18/note-occupazione2019_en.pdf

Chris, R., Malcolm, W. (chủ biên) (2008). Toàn cầu hóa quản lý nguồn nhân lực quốc tế. Nhà xuất bản Routledge. NY.

Ủy ban Châu Âu (EC). (2013). Thách thức về sự không phù hợp về kỹ năng ở Châu Âu, trích trong (Ủy ban Châu Âu, chủ biên, 2013a), Việc làm và phát triển xã hội ở Châu Âu 2012, Chương 6, trang 351–394, Brussels: Liên minh Châu Âu:

<https://data.consilium.europa.eu/doc/document/ST%205571%202013%20ADD%209/EN/pdf>

Ủy ban Châu Âu (EC). (2016). Chương trình kỹ năng mới cho châu Âu. Cùng hợp tác để tăng cường nguồn nhân lực, khả năng làm việc và khả năng cạnh tranh, Thông tin từ Ủy ban 175 tới Nghị viện Châu Âu, Hội đồng, Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu và Ủy ban Khu vực, Brussels: Liên minh Châu Âu, doi:

<https://ec.europa.eu/transparency/regdoc/rep/1/2016/EN/1-2016-381-EN-F1- 1.PDF>

Ủy ban châu Âu EC. (2017). Thông tin liên lạc từ Ủy ban đến Nghị viện châu Âu, Hội đồng, ủy ban kinh tế và xã hội châu Âu và ủy ban của các khu vực về chương trình nghị sự đổi mới của EU cho giáo dục đại học COM / 2017/0247

Hợp tác phát triển của Liên minh châu Âu với Việt Nam. Truy cập từ:

[http://europa.eu/rapid/press-release MEMO-12-222_en.htm?locale=en](http://europa.eu/rapid/press-release_MEMO-12-222_en.htm?locale=en)

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (MOET), Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT - Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (MOET), Thông tư số 7/2022/TT-BGDĐT - Tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh trong các cơ sở giáo dục

Hội nghị dự án MOTIVE: Hội thảo chuyên đề lần 1: "Cơ chế đảm bảo chất lượng" tổ chức tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam, tháng 6/2021:

<https://motive-euproject.net/events/how-to-use-graduates-surveys-on-data-for-supporting-governance-reform-and-qa-in-higher-education-vnua-22-25-june-2021/>

Hội nghị dự án MOTIVE: Hội nghị lần thứ 1 về "Sinh viên tốt nghiệp và Thị trường lao động" AlmaLaurea, Bologna, Ý, tháng 5 năm 2021:

<https://motive-euproject.net/events/bologna-motive-meeting-capacity-transfer-and-1st-conference-graduates-and-labour-market-18-20-may-2022/>

Hội nghị dự án MOTIVE: Hội thảo chuyên đề lần thứ 2: Tự đánh giá, Năng lực chính và Việc làm - Đại học Hạ Long, Thành phố Uông Bí, Việt Nam Tháng Bảy 2022:

<https://motive-euproject.net/events/halong-university-dissmентаion-event-and-workshops-skills-key-competences-and-employment/>

Hợp dự án MOTIVE: Hội thảo lần thứ 2 về "Chính sách dựa trên bằng chứng và giáo dục đại học: Thực trạng, cơ hội và thách thức" - Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội, Việt Nam, Tháng 10/ tháng 11/ 2022:

<https://motive-euproject.net/events/motive-erasmus-project-conference-evidence-based-policy-and-higher-education-progress-pitfalls-and-promise-at-academy-of-journalism-and-communication-hanoi-vietnam/>

Nguyễn Thành Nhơn, Một số suy nghĩ về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, nguồn:

<http://www.daihoclongan.edu.vn/tin-tuc-su-kien/tin-tucchung/234 -confidence-of-work-of-life-after-tot-nghiep.html>

Nguyễn Bá Tùng, Vì sao sinh viên ra trường thất nghiệp? – Báo Giáo dục & Thời đại, ngày 24 tháng 2 năm 2010; nguồn: <http://www.giaoduc.edu.vn>

<https://www.baomoi.com/sinh-vien-ra-truong-va-noi-lo-that-nghiep-tran-troden-bao-gio/c/13816112.epi>

Phan Thị Ngọc Khuy, Nguyễn Huy Hoàng, Tình trạng việc làm và các yếu tố kỹ năng cần thiết cho công việc sau tốt nghiệp của sinh viên ngành kinh doanh quốc tế, Đại học Cần Thơ, Cần Thơ. 43 (2016): 109-119, trang 109-119.

Schomburg Harald, Sổ tay nghiên cứu theo dõi sau đại học, Trung tâm nghiên cứu về giáo dục đại học và công việc, Đại học Kassel, 2003.

Thân Trung Dũng, Việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp - một vấn đề xã hội nghiêm trọng, nguồn: <http://tadri.org>

Trịnh Thị Định, Nguyễn Huyền Anh, Khảo sát về chất lượng sinh viên thất nghiệp tại Việt Nam: Một số suy nghĩ về thực tiễn và giải pháp, nguồn: http://www.vnseameo.org/bblam/forum/EMD/Trinh_Thi_Dinh_VN.pdf

Phụ lục

Phụ lục I: "Đảm bảo chất lượng" - chia sẻ của các đối tác EU:

<https://motive-euproject.net/events/how-to-use-graduates-surveys-on-data-for-supporting-governance-reform-and-qa-in-higher-education-vnua-22-25-june-2021/>

Phụ lục II: "Sinh viên tốt nghiệp và thị trường lao động" - chia sẻ của đối tác EU:

<https://motive-euproject.net/events/bologna-motive-meeting-capacity-transfer-and-1st-conference-graduates-and-labour-market-18-20-may-2022/>

Phụ lục III: "Tự đánh giá, năng lực chính và việc làm" - chia sẻ của đối tác EU

<https://motive-euproject.net/events/halong-university-dissmентаion-event-and-workshops-skills-key-competences-and-employment/>

Phụ lục IV: "Chính sách dựa trên minh chứng và giáo dục đại học: Thực trạng, cơ hội và thách thức" chia sẻ của các nhà nghiên cứu quốc tế

<https://motive-euproject.net/events/motive-erasmus-project-conference-evidence-based-policy-and-higher-education-progress-pitfalls-and-promise-at-academy-of-journalism-and-communication-hanoi-vietnam/>